

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2018
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thế Cần.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B – tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1737/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 217/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị L** – sinh năm 1965

Địa chỉ: tổ C, khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn N** – sinh năm 1965

Địa chỉ: tổ C, khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L có mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2017, tại bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn N kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, hôn nhân là tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh mâu

thuần và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống giữa hai vợ chồng, vợ chồng đã ly thân hơn 03 năm nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông N.

Về con chung: Quá trình bà và ông N chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông N nhưng ông N vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện không đúng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà L. Về con chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu. Bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Phạm Văn N theo quy định của pháp luật, nhưng ông Phạm Văn N vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị L và ông Phạm Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 15/02/2012 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo như bà L trình bày Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống giữa hai vợ chồng, vợ chồng đã ly thân hơn 03 năm nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông N không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông N. Theo biên bản xác minh ngày 04/01/2018 tại Công an phường H thì ông N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ C, khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hiện ông N đang sinh sống tại địa chỉ nêu trên. Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập ông N đến Tòa để hòa giải đoàn tụ nhưng ông N không đến, cho thấy ông N không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Mặt khác, theo biên bản xác minh ngày 11/01/2018 tại địa phương thì quá trình bà L và ông N chung sống có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm rõ do đương sự không trình báo, tuy nhiên theo đại diện khu phố 2 cho biết vợ chồng ông N và bà L đã sống ly thân khoảng 01 năm nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông N đã thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên việc bà L xin ly hôn với ông N là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn của bà L, cho ly hôn giữa bà Võ Thị L và ông Phạm Văn N.

[3] Về con chung: Quá trình ông N và bà L chung sống không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Theo bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Theo bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về nợ chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị L. Cho ly hôn giữa bà Võ Thị L và ông Phạm Văn N.

Về con chung: Không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà Võ Thị L phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 002388 ngày 05/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà L đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phạm Văn N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến